

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2024/DS-ST**

Ngày: **09 - 4 - 2024**

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thanh Xuân.

Bà Đoàn Thị Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thái Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế không tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 388/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2023 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2024/QĐST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S (S1)**; Địa chỉ: **2 N, quận C, thành phố Hồ Chí Minh**.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D** – Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Phan Thị Anh P** – Phó Giám đốc **Ngân hàng TMCP S, chi nhánh T2**; Người được ủy quyền lại: Ông **Nguyễn Bảo Quốc V** – Chuyên viên quản lý nợ; có mặt.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Đang T**, sinh năm 1988; Địa chỉ: **Số B Bà T, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/7/2023 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/11/2017, bà **Nguyễn Thị Đang T** có Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng để vay số tiền 50.000.000 đồng nhằm mục đích tiêu dùng. Đến ngày 01/12/2017 thì được **Ngân hàng TMCP S, chi nhánh T3** chấp nhận ký kết hợp đồng thẻ tín dụng. Theo đó, bà **T** vay số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất tại thời điểm làm thẻ là 33,2%/năm. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà **T** đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là: 86.260.200 đồng và đã thanh toán được cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền 119.506.245 đồng (trong đó: tiền lãi và các loại phí từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 30/06/2023 là: 87.045.931 đồng). Sau đó, bà **T** không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên **Ngân hàng TMCP S** đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn, đồng thời thông báo cho bà **T** biết và nhiều lần nhắc nhở nhưng bà **T** vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, **ngân hàng TMCP S** khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét buộc bà **Nguyễn Thị Đ T** phải trả số tiền còn nợ tính đến ngày 09/4/2024 là 74.558.881 đồng, trong đó: Nợ gốc: 53.799.886 đồng, nợ lãi quá hạn: 20.758.995 đồng. Ngoài ra, yêu cầu Tòa án xem xét buộc bà **Nguyễn Thị Đ T** phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc theo lãi suất thoả thuận trong hợp đồng thẻ tín dụng đã ký kết tính từ ngày 10/4/2024 cho đến khi trả hết khoản nợ.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần của **Ngân hàng TMCP S** (Bản sao); Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh **Ngân hàng TMCP S** (Bản sao); Quyết định số 4430/2020/QĐ-NS ngày 09/9/2020 của Hội đồng quản trị **Ngân hàng TMCP S** (Bản sao); Quyết định số 3270/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022 của Tổng Giám đốc **Ngân hàng TMCP S** về việc ủy quyền ký hợp đồng (Bản sao); Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 29/11/2017 (Bản sao); Bảng điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của **S1** (Photo dấu treo); **T1** nhắc nợ của **Ngân hàng TMCP S** (Bản chính); Thông báo khởi kiện của **Ngân hàng TMCP S** (Bản chính); Giấy chứng minh nhân dân **Nguyễn Thị Đang T** (Bản photo); Sổ hộ khẩu chủ hộ **Ngô Đức Phước L** (Bản phô tô);

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bà **Nguyễn Thị Đ T** không đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì nên Tòa án không thể tiến hành làm việc để ghi nhận ý kiến của bị đơn cũng như hòa giải được. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào nội dung các bên thỏa thuận trong giấy đề nghị kiêm hợp đồng thì đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng không có tài sản đảm bảo. Bị

đơn có nơi cư trú tại **thành phố H**. Căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà **Nguyễn Thị Đang T** đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng là tự chối bỏ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa hôm nay, bà **Nguyễn Thị Đang T** tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

Sau khi ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, **ngân hàng TMCP S** đã tiến hành mở thẻ và giải ngân toàn bộ số tiền 50.000.000 đồng vào thẻ tín dụng cho bà **Nguyễn Thị Đ T** là đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo hợp đồng đã ký kết. Theo thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bảng điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kèm theo, tất cả các giao dịch và phí phát sinh phải được chủ thẻ (bà **Nguyễn Thị Đang T**) thanh toán cho đơn vị phát hành thẻ (**ngân hàng TMCP S**) vào hoặc trước ngày đến hạn được ghi trên thông báo. Tuy nhiên, từ ngày 30/6/2023 cho đến nay, bà **Nguyễn Thị Đang T** không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho **ngân hàng TMCP S** là đã vi phạm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Tính đến ngày 09/10/2024, bà **Nguyễn Thị Đang T** còn nợ **ngân hàng TMCP S** tổng cộng số tiền là 74.558.881 đồng, trong đó: Nợ gốc: 53.799.886 đồng, nợ lãi quá hạn: 20.758.995 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của **ngân hàng TMCP S** về việc buộc bà **Nguyễn Thị Đ T** phải thanh toán toàn bộ số tiền nêu trên là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên cần chấp nhận.

Đối với yêu cầu của **ngân hàng TMCP S** về việc buộc bà **Nguyễn Thị Đ T** phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết tính từ ngày 10/4/2024 cho đến khi trả hết khoản nợ, thấy rằng: Yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với các điều khoản hai bên đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bảng điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của **S1** cũng như quy định tại Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 10/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên **ngân hàng TMCP S** không phải chịu án phí. Buộc bà **Nguyễn Thị Đang T** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 280, 385, 398, 401, 403 và 468 của Bộ luật dân sự; Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 10/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Buộc bà **Nguyễn Thị Đang T** phải có nghĩa vụ thanh toán cho **ngân hàng TMCP S** số tiền nợ gốc: 53.799.886 đồng, nợ lãi quá hạn: 20.758.995 đồng; tổng cộng số tiền 74.558.881 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi bốn triệu, năm trăm năm mươi tám nghìn, tám trăm tám mươi một đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/4/2024) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà **Nguyễn Thị Đang T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 74.558.881 đồng x 5% = 3.727.944 đồng.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 1.364.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001124 ngày 20/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT-Huế (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Nam